

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/DS-ST

Ngày: 28/9/2017

*“V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự
Hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Trung Hiếu.
2. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng.

Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Vào ngày 28/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2017/TLST-DS, ngày 30/5/2017; “ V/v tranh chấp hợp đồng dân sự - Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 85/2017/QĐXXST-DS, ngày 24/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2017/QĐST-DS, ngày 11/9/2017 giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Võ Phát T1, sinh năm 1974. Địa chỉ: tổ 32, khóm 4, phường 6, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2017) (Có mặt).

Bị đơn: Mai Thị H, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm M, phường P, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phạm Văn N, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khóm M, phường P, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa anh Võ Phát T1 đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Vào ngày 16/5/2016, chị Mai Thị H và anh Phạm Văn N có vay của bà T số tiền là 106.200.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu hai trăm nghìn đồng), vay để làm ăn mua bán, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng trả hàng tháng, có làm biên nhận do chị H và anh N ký tên. Thời gian trả khi nào bà T cần sẽ báo trước cho chị H và anh N trước một tháng.

Chị H và anh N có giao cho bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: H 002274, thuộc thửa số 906, tờ bản đồ số 7, diện tích là 292m², đất tọa lạc tại ấp X, xã A, huyện M do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho anh Phạm Văn N vào ngày 01/4/2008.

Ngày 16/9/2016 chị H và anh N có trả cho bà T được 4 tháng tiền lãi với số tiền là 4.248.000 đồng.

Đến ngày 04/9/2016 (âm lịch) nhằm ngày 04/10/2016 (dương lịch), chị H và anh N có vay thêm của bà T số tiền là 106.200.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu hai trăm nghìn đồng), vay để làm ăn mua bán, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng trả hàng tháng, có làm biên nhận do chị H và anh N ký tên. Thời gian trả khi nào bà T cần sẽ báo trước cho chị H và anh N trước một tháng.

Tổng cộng chị H và anh N đã vay của bà T số tiền là 212.400.000 đồng (Hai trăm mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đến ngày 28/02/2017, chị H và anh N đã trả cho bà T được tiền vốn là 62.400.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 8.496.000 đồng, tổng cộng tiền lãi chị H và N đã trả cho bà T được 12.744.000 đồng, còn lại là 150.000.000 đồng tiền vốn.

Khoảng giữa tháng 3/2017, do bà T cần tiền nên có báo trước với chị H và anh N để chuẩn bị trả tiền cho bà T, nhưng chị H và anh N hứa nhiều lần nhưng không trả.

Nay bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu chị Mai Thị H và anh Phạm Văn N phải liên đới trả cho bà T số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/3/2017 đến ngày 03/5/2017 là 02 tháng 02 ngày, lãi suất là 0.75%/tháng với số tiền là 2.325.000 đồng (Hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và bà T yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Sau khi chị H và anh N trả cho bà T số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 2.325.000 đồng, bà T sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H và anh N.

Tại phiên tòa bà T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi, chỉ yêu cầu chị H và anh N trả số tiền vốn là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà T là các biên nhận do chị H và anh N ký.

Tại phiên tòa chị H thừa nhận có vay tiền của bà T các lần như bà T trình bày. Sau khi vay xong có trả lãi và vốn, nhưng bà T không có làm biên nhận cho chị H. Nay chị H thống nhất còn nợ bà T số tiền vốn là 150.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà T.

Anh Phạm Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh N không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện của bà T thì Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “ Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”, địa chỉ của bị đơn tại thành phố Cao Lãnh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Anh Phạm Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh N.

[3] Tại phiên tòa anh T1 đại diện theo ủy quyền cho bà T xác định bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, việc rút này là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ Luật tố tụng dân sự. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với phần tiền lãi.

[4] Tại phiên tòa anh T1 đại diện theo ủy quyền của bà T xác định bà T chỉ yêu cầu chị H và anh N trả cho bà số tiền vốn 150.000.000 đồng và chị H cũng thống nhất trả theo yêu cầu của bà T.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì ..” Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh..”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận nợ và lời thừa nhận của chị H tại phiên tòa xác định số tiền vốn mà chị H, anh N còn nợ bà T là 150.000.000 đồng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, thì chị H và anh N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vốn 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

[5] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00274, diện tích 292m², thửa 906, tờ bản đồ số 7, loại đất ONT và CHN của anh Phạm Văn N khi vay tiền có thể chấp cho bà T giữ, việc thế chấp này không đúng quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 quy định về điều kiện thực hiện quyền thế chấp quyền sử dụng đất và Điều 319 Bộ luật dân sự quy định về Hiệu lực của thế chấp tài sản. Do bà T nhận thế chấp quyền sử dụng đất không đúng quy định, nên bà T có nghĩa vụ trả lại cho anh N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T được chấp nhận yêu cầu, nên bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Chị H và anh N phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 466, 468 và 357, 319 Bộ Luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T đối với phần tiền lãi.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc T đối với phần tiền vốn.

Buộc chị Mai Thị H và anh Phạm Văn N liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền vốn 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả lại cho anh Phạm Văn N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho anh N số vào sổ H00274, diện tích 292m², thửa 906, tờ bản đồ số 7, loại đất ONT và CHN.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Mai Thị H và anh Phạm Văn N liên đới chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Ngọc T được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 3.808.000 đồng theo biên lai thu số 08637, ngày 29/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự;

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS TPCL;
- Tòa án tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA-HSVA.

(đã ký)

Nguyễn Văn Hằng